TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1078/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 506/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959

Căn cước công dân: ********** do Cục trưởng Cục C cấp ngày 21/12/2021.

Địa chỉ thường trú: 8 Q, phường T (địa chỉ cũ phường H, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1958

Căn cước công dân: ********** do Cục trưởng Cục C cấp ngày 14/7/2022.

Địa chỉ thường trú: 8 Q, phường T (địa chỉ cũ phường H, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Hồng S cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Hồng S cùng cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/03/1983 thì bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Hồng S là vợ chồng hợp pháp. Nay cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội.

[4] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Hồng S nộp. Tuy nhiên, do bà T và ông S là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền lệ phí nên bà T và ông S được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Hồng S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 chung tên Phạm Nhật K, sinh năm 1988 và Phạm Nhật N, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Hồng S là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp lệ phí nên bà T và ông S được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- UBND Tp.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số **, quyển số 01 ngày 01/03/1983 do UBND Quận A cũ cấp);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Hồng Út